

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN LOÀI KHU HỆ NẤM LỚN VƯỜN QUỐC GIA CHUR YANG SIN, TỈNH ĐẮK LẮK

PHẠM THỊ HÀ GIANG, ALEXANDROVA A.V.  
*Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt-Nga*

Vườn Quốc gia (VQG) Chư Yang Sin nằm trên địa phận hành chính của hai huyện Krông Bông và Lắk, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 59.531ha, phần lớn là rừng lá rộng thường xanh trên núi cao và núi trung bình. Khí hậu nơi đây chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô; mùa mưa từ tháng 5 tới tháng 11, mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm khá lớn, từ 1500 đến 3600mm. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 18-21°C. Độ ẩm trung bình từ 80-86% [1].

Theo số liệu thống kê về đa dạng sinh học của VQG Chư Yang Sin, cho đến nay chưa có nghiên cứu nào về nấm lớn được công bố.

Bài báo này giới thiệu kết quả nghiên cứu bước đầu về thành phần loài nấm lớn tại VQG Chư Yang Sin.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa bàn nghiên cứu: Phần phía Tây của VQG Chư Yang Sin, độ cao từ 1000-1700m.
- Nghiên cứu được tiến hành trong tháng 4 năm 2012.

#### 2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.1. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa

- Theo đặc trưng phân hóa của thảm thực vật và theo đai độ cao, chúng tôi tạm chia ra 4 sinh cảnh:

+ Rừng á nhiệt đới cây lá rộng thường xanh (độ cao > 1000m) với ưu thế là các loài thuộc họ Dẻ Fagaceae, họ Ngọc lan Magnoliaceae, họ Re Lanraceae, họ Bứa Clusiaceae...

+ Rừng á nhiệt đới hỗn giao cây lá rộng, lá kim (độ cao > 1000m) với ưu thế cây lá kim thuộc về loài Pơ mu *Fokienia hodginsii*, Thông 5 lá *Pinus dalatensis*, Du sam *Keteleeria evelyniana*.

+ Rừng lá kim thuần loài Thông 3 lá *Pinus khasya*.

+ Trảng cỏ cây bụi và đất trống ven đường.

- Tại các sinh cảnh tiến hành khảo sát theo tuyến, lặp lại 1-2 lần.

- Thu mẫu vật: Thu mẫu theo tuyến, ở các giai đoạn phát triển khác nhau (non, trưởng thành, già). Quan sát, mô tả màu sắc, kích thước, hình dạng, sinh cảnh... và chụp lại bằng máy ảnh. Dùng dao lấy nguyên vẹn cả cây nấm ra khỏi giá thể (kể cả phần tiếp xúc: Đất, mùn hoặc cây gỗ).

- Xử lý mẫu: Phơi khô hoặc sấy khô ở nhiệt độ 60-80°C, có thể sử dụng hạt hút ẩm Silicagel để tránh mốc nấm.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm

- Mẫu vật được thu thập và phân tích theo các phương pháp của Teng (1964), Trịnh Tam Kiệt (1981). Định loại theo phương pháp hình thái giải phẫu so sánh và các tài liệu của Teng (1964), Trịnh Tam Kiệt (1981, 2011), Lê Văn Liễu (1977), Lê Bá Dũng (2003).

- Bảo quản quả thể nấm làm tập mẫu: Mẫu vật thu được sau khi xử lý sơ bộ ngoài thực địa được bảo quản trong túi nilon cùng với các hạt Silicagel.

## II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Thành phần loài nấm lớn VQG Chư Yang Sin

Quá trình khảo sát tại khu vực phía Tây VQG Chư Yang Sin, thu được hơn 100 mẫu nấm. Bước đầu ghi nhận 51 loài thuộc 23 họ, 9 bộ. Trong đó, 38 loài đã xác định được tên đầy đủ, 13 loài mới xác định được đến chi.

Bảng 1

Thành phần loài nấm lớn theo các sinh cảnh VQG Chư Yang Sin

TT	Tên loài	Sinh cảnh			
		LR	LR-LK	LK	TC-ĐT
	I. BỘ AURICULARIALES				
	1. Auriculariaceae				
1	<i>Auricularia auricula</i> (Hook.) Underw.		+		+
2	<i>Auricularia delicata</i> (Fr.) Henn.		+		+
	II. BỘ THELEPHORALES				
	2. Thelephoraceae				
3	<i>Thelephora palmata</i> (Scop.: Fr.)			+	
	III. BỘ POLYPORALES				
	3. Ganodermataceae				
4	<i>Ganoderma applanatum</i> (Pers.) Pat.	+	+		
5	<i>Ganoderma australe</i> (Fr.) Pat.	+	+		
6	<i>Ganoderma oroflavum</i> (Lloyd.) Teng	+			
7	<i>Amauroderma bataanense</i> (Murr.) Bull	+	+		
	4. Coriolaceae				
8	<i>Trametes versicolor</i> (Fr.) Pilat. Atl		+		+
9	<i>Trametes scabrosa</i> (Pers.) G. Cunn	+	+		
10	<i>Trametes gibbosa</i> (Pers.: Fr.) Fr.	+	+		
11	<i>Trametes elegans</i> Pers.	+	+		
12	<i>Trametes</i> sp.		+		

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên loài	Sinh cảnh			
		LR	LR-LK	LK	TC-ĐT
	5. Polyporaceae				
13	<i>Mycroporus xanthopus</i> (Fr.) Pat.	+	+	+	+
14	<i>Mycroporus</i> sp1.				+
15	<i>Mycroporus</i> sp2.				+
16	<i>Lentinus sajor-cajor</i> (Fr.) Fr.,Syst		+		
17	<i>Lentinus crinitus</i>	+			
18	<i>Lentinus</i> sp.	+			
19	<i>Polyporus arcularius</i> (Batsch) Fr.	+			
20	<i>Ischnoderma resinoseum</i> (Schrad.: Fr.) P.Karst.		+		
21	<i>Daedaleopsis confragosa</i> (Bort.: Fr.)	+	+		
22	<i>Daedaleopsis purpurea</i> (Cooke)	+			
	IV. BỘ HYMENOGYALES				
	6. Hymenochaetaceae				
23	<i>Phellinus gilvus</i> (Fr.) Pat.		+		
24	<i>Hymenochaeta</i> sp.	+			
25	<i>Innonotus</i> sp.	+			
	V. BỘ AGARICALES				
	7. Marasmiaceae				
26	<i>Lentinula edodes</i> (Berk.) Pegler	+			+
27	<i>Marasmius rhizomorpha</i>	+	+		
	8. Schizophyllaceae				
28	<b><i>Schizophyllum commune</i> Fr.</b>	+			
	9. Physalacriaceae				
29	<i>Cyptotrama asprata</i> (Berk.)				+
	10. Pleurotaceae				
30	<i>Pleurotus pulmonarius</i> (Fr.) Quel.	+			
	11. Tricholomataceae				
31	<i>Xeromphalina campanella</i> (Batsch)		+		

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên loài	Sinh cảnh			
		LR	LR-LK	LK	TC-ĐT
32	<i>Filoboletus manipularis</i> (Berk.) Sing	+	+		
33	<i>Filoboletus</i> sp.		+		
	12. Entolomataceae				
34	<i>Entoloma</i> sp.		+		
	13. Amanitaceae				
35	<i>Amanita</i> sp.				+
	14. Agaricaceae				
36	<i>Agaricus</i> sp.			+	
37	<i>Leucocoprinus fragilissimus</i> (Ravenl.) Pat.				
	15. Cortinariaceae				
38	<i>Gymnopilus</i> sp1.	+			
39	<i>Gymnopilus</i> sp2.	+			
	16. Strophariaceae				
40	<i>Hypholoma sublateritium</i> (Schaeff.)	+			
	17. Coprinaceae				
41	<i>Coprinus disseminatus</i> (Per.: Fr.) Kuhner.		+		
	18. Inocybaceae				
42	<i>Inocybe</i> sp.		+		
	VI. BỘ BOLETALES				
	19. Boletaceae				
43	<i>Boletus truncatus</i> (Singer, Snell & Dick)		+	+	+
44	<i>Boletellus emodensis</i> (Berk.) Sing.	+	+	+	+
	20. Sclerodermataceae				
45	<i>Scleroderma citrinum</i> (Pers.)				+
	VII. BỘ RUSSULALES				
	21. Stereaceae				
46	<i>Stereum lobatum</i> (Kunze: Fr.) Fr.	+			
47	<i>Stereum insignitum</i> (Quel.)		+		
48	<i>Stereum hirsutum</i> (Willd.: Fr.) Gray	+	+		

TT	Tên loài	Sinh cảnh			
		LR	LR-LK	LK	TC-ĐT
	VIII. BỘ SPHAERIALES				
	22. Xylariaceae				
49	<i>Xylaria hypoxylon</i> (L.) Grev.	+	+		
	IX. BỘ DACRYMYCETALES				
	23. Dacrymycesceae				
50	<i>Dacrymyces palmatus</i> (Schw.) Bres.				+
51	<i>Calocera corneai</i> (Batsch) Fr.				+

Ghi chú: LR: Rừng á nhiệt đới cây lá rộng.

LR-LK: Rừng á nhiệt đới hỗn giao cây lá rộng, lá kim.

LK: Rừng lá kim (thuần loài Thông 3 lá).

TC-ĐT: Trảng cỏ cây bụi và bãi đất trồng.

+: Ghi nhận có bắt gặp.

Từ các kết quả nghiên cứu bước đầu ở trên cho thấy: Mỗi loài nấm phân bố ở một hoặc một số sinh cảnh nhất định. Trong đó, 2 loài bắt gặp ở cả 4 sinh cảnh; 1 loài gặp ở 3 sinh cảnh, 15 loài bắt gặp ở 2 sinh cảnh và 28 loài chỉ bắt gặp ở 1 kiểu sinh cảnh.

Một số loài có mức độ phong phú cao như: *Scleroderma citrinum*, *Boletellus emodensis*, *Ganoderma applanatum*, *Mycroporus xanthopus*.

Cấu trúc các taxon của khu hệ nấm lớn ở khu vực nghiên cứu được trình bày trong bảng 2

Bảng 2

**Cấu trúc các taxon của khu hệ nấm lớn tại khu vực phía Tây VQG Chư Yang Sin**

TT	Bộ	Họ	Loài	%
1	Agaricales	12	17	33,33
2	Auriculariales	1	2	3,92
3	Boletales	2	3	5,88
4	Dacrymycetales	1	2	3,92
5	Hymenochaetales	1	3	5,88
6	Poliporales	3	19	37,25
7	Russulales	1	3	5,88
8	Sphaeriales	1	1	1,96
9	Thelephorales	1	1	1,96

Các số liệu ở bảng 2 cho thấy, 2 bộ có thành phần loài đa dạng nhất là bộ Poliporales (19 loài), chiếm 37,25% và bộ Agaricales (17 loài), chiếm 33,33% tổng số loài đã xác định trong

khu vực nghiên cứu. Hai bộ có thành phần loài kém đa dạng nhất là Sphaeriales (1 loài), chiếm tỷ lệ 1,96% và bộ Thelephorales (1 loài), chiếm 1,96% tổng số loài ghi nhận.

Thành phần loài nấm lớn tại khu vực phía Tây VQG Chư Yang Sin chiếm 17% trên tổng số 300 loài mà Lê Bá Dũng đã công bố ở địa bàn Tây Nguyên [6]...; Từ kết quả nghiên cứu bước đầu, chúng tôi nhận thấy, mặc dù nghiên cứu trong thời gian ngắn và vào cuối mùa mưa nhưng số liệu đã cho thấy sự đa dạng về thành phần loài của khu hệ nấm VQG Chư Yang Sin.

## 2. Giá trị tài nguyên nấm lớn VQG Chư Yang Sin

Dựa vào một số tài liệu đã công bố của Trịnh Tam Kiệt [3, 4], Lê Bá Dũng [6], Lê Văn Liễu [5], Nấm lớn ở Trung Quốc [2]... bước đầu cho thấy, trong số 51 loài thu được thì 6 loài có tác dụng dược liệu, 11 loài nấm ăn, 2 loài nấm độc và 37 loài gây mục gỗ hoặc chưa rõ tác dụng.

Bảng 3

Giá trị tài nguyên nấm lớn VQG Chư Yang Sin

Giá trị	Nấm ăn	Dược liệu	Độc	Khác
Số loài	11	6	2	37
%	21,57	11,76	3,92	72,54

Trong số các loài nấm lớn đã ghi nhận, 4 loài vừa có tác dụng làm thực phẩm, vừa có tác dụng dược liệu, đó là các loài *Auricularia auricular*, *A. delicata*, *Ganoderma applanatum* và *Lentinula edodes*. Hiện nay, những loài nấm này đều được nuôi trồng khá phổ biến ở nước ta.

## III. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 51 loài nấm lớn tại khu vực phía Tây VQG Chư Yang Sin thuộc 23 họ, 9 bộ.

Hai loài bắt gặp ở hầu hết các sinh cảnh khảo sát là *Mycroporus xanthopus* và *Boletellus emodensis*.

Trong 9 bộ đã xác định, bộ Poliporales có thành phần loài đa dạng nhất, chiếm 37,25% tổng số loài xác định cho khu hệ, bộ Sphaeriales và Thelephorales có thành phần loài kém đa dạng (1,96%).

Trong số các loài ghi nhận có 11 loài là nấm ăn, 6 loài là nấm dược liệu, 2 loài là nấm độc và 37 loài phá hoại gỗ hoặc chưa rõ tác dụng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Chiên, 1985. Tây Nguyên-Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Teng, 2000. Nấm lớn ở Trung Quốc (tái bản). NXB. Báo chí Khoa học và Công nghệ Hà Nam, Trung Quốc (tiếng Trung Quốc).
3. Trịnh Tam Kiệt, 1981. Nấm lớn ở Việt Nam. NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Trịnh Tam Kiệt, 2011. Nấm lớn ở Việt Nam (tập 1). NXB. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
5. Lê Văn Liễu, 1977. Một số nấm ăn được và nấm độc ở rừng. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Lê Bá Dũng, 2003. Nấm lớn Tây Nguyên. NXB. Khoa học và Kỹ thuật.

7. **Trần Văn Mão**, 1984. “Góp phần nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm sinh học của một số loài nấm lớn phá hoại gỗ ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh”. Luận án PTS Sinh học, Trường Đại học Khoa học tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. **Nguyễn Thị Đức Huệ**, 2000. ”Góp phần nghiên cứu nấm lớn ở một số địa điểm trong tỉnh Tây Ninh”, Luận văn Thạc sỹ khoa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
9. **Ngô Anh**, 2003. ”Sự đa dạng về thành phần loài của khu hệ nấm lớn tỉnh Thừa Thiên Huế”, Tạp chí Sinh học, Tập 25 (1a), tr.1-7.

**PRELIMINARY RESULT OF THE MACROFUNGI FAUNA  
OF CHU YANG SIN NATIONAL PARK, DAK LAK PROVINCE**

**PHAM THI HA GIANG, ALEXandrova A.V.**

**SUMMARY**

A field survey was undertaken in April 2012 in the western part of the Chu Yang Sin National Park where elevation is of 1,000-1,700m a.s.l. The results show that there are 51 macrofungi species belonging 23 families, nine orders. Two common species *Mycroporus xanthopus* and *Boletellus emodensis* have been found in almost all habitats. Among nine recorded orders, Poliporales is the most diverse order, with 19 species (37.25% of total species) whereas each of two others (Sphaeriales and Thelephorales) has only one species (1,96 % of total species). Of 51 recorded species, 11 are edible, 6 are medicine, 2 are toxic and 37 are wood destroyer or unknown.